TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 4 – 2019.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Ông Nguyễn Hoàng Điểm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hg; Địa chỉ cư trú: ấp Trường B, xã Trường L, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph; Địa chỉ cư trú: Ấp Trường H, xã Trường L, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Năm 2009 chị và anh Ph được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, từ đó chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường L, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng ấm êm, hạnh phúc đến năm 2014 thì đôi bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, mất hạnh phúc do anh Phục không quan tâm vợ con, không lo làm ăn, hơn nữa không hợp nhau. Vợ chồng chị đã hai lần sống ly thân, chấm dứt việc quan hệ vợ chồng thời gian khoảng một năm, sau đó hai đứa tiếp tục đoàn tụ lại sống chung thêm được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và chia tay, dù hai bên đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Bản thân nhận thấy không còn tình cảm với anh Ph, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn Y sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Thị Kiều M sinh ngày 16/6/2018. Khi ly hôn bà H xin được nuôi hai con chung đến thành niên, không yêu cầu anh Phục cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày: Vào năm 2009, anh và chị H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H tự nhiên giận vì anh Ph về bên nhà của anh Ph chơi, vợ chồng anh không có cự cãi, đánh đập. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 03 tháng. Nay H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Văn Y và Nguyễn Thị Kiều M, các cháu hiện đang sống với chị H, anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con nếu phải ly hôn và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph vắng mặt nên không có ý kiến.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Xác định thẩm quyền thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự.

Anh Nguyễn Văn Ph có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ph.

Căn cứ Điều 25, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống chị H và anh Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, khiến tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh Ph có 02 con chung tên Lê Văn Y sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Thị Kiều M sinh ngày 16/6/2018. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Phục cấp dưỡng, phía anh Phục cũng đồng ý giao 02 cháu Y và Kiều M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph, xét đây là vụ án Xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Ph có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Ph.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn Ph tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Trường L nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị H trình bày, chị và anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh Ph không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã có khoảng thời gian sống ly thân một năm sau đó quay lại sống chung được một thời gian ngắn nữa thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph. Về phía anh Ph thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn yêu thương vợ con, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bỏ về nhà cha mẹ ruột chơi nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh Ph nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên cãi nhau, anh Ph không quan tâm chăm sóc chị H và các con, vợ chồng không cùng chung tiếng nói, và đã hai lần sống ly thân. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên phân tích cho chị H hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng với anh Ph nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên phía chị H không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Ph. Phía anh Ph không muốn ly hôn với chị H nhưng đây chỉ là tình cảm, ý chí, nguyện vọng từ một phía, nếu cố gượng ép thì giữa chị H và anh Ph cũng không thể hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H xin ly hôn với anh Ph là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

[3.2] Về con chung: chị Lê Thị H yêu cầu được nuôi cả 02 con chung Lê Văn Y (nam), sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Thị Kiều M (nữ), sinh ngày

16/6/2018 và được anh Nguyễn Văn Ph đồng ý để chị H nuôi cả hai con và tại biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2019 cháu Y có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Về điều kiện kinh tế, chị H có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu trưởng thành, do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, ổn định cuộc sống hiện tại của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Lê Văn Y (nam), sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Thị Kiều M (nữ), sinh ngày 16/6/2018 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Ph không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 47, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: giao cháu Lê Văn Y (nam), sinh ngày 24/9/2011 và Nguyễn Thị Kiều M (nữ), sinh ngày 16/6/2018 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Ph không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0018611 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Chị Lê Thị H được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/4/2019. Anh Nguyễn Văn Ph được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường